TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:103/2021/HS-ST
Ngày 17/12/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và ông Nguyễn Đình Quế.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2021/TLST - HS, ngày 11/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST - HS ngày 10 tháng 11 năm 2021; Thông báo về việc chuyển thời gian mở phiên tòa số: 30/2021/TB-TA, ngày 29/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2021/HSST-QĐ, ngày 10/12/2021, đối với bị cáo:

- **Lý Thị Thùy A**, sinh năm 1996 ; nơi cư trú: Tổ 1 M, phường V, thành phố U, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lý Văn H và con bà Trương Thị O; chồng con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HSST ngày 18/02/2020, bị cáo Thùy A đã bị TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 457/2020/HSPT ngày 09/7/2020, TAND thành phố Hà Nội sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên và xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

* Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B (có mặt).

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Anh Hồ Thế Thành L, sinh năm 1992; nơi cư trú : Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh H (có mặt).

- Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lý Thị Thùy A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 02/2017 đến tháng 3/2018 thì về Việt Nam. Quá trình lao động tại Nhật Bản, Thùy A quen biết với anh Trần Văn T, sinh năm 1981; trú tại: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B, có vợ là chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984 (anh Tân lao động tại Nhật Bản từ tháng 02/2017 đến tháng 6/2019 thì về nước). Sau khi về nước, Thùy A không xuất cảnh đến quốc gia nào khác mà sinh sống, làm việc tại Việt Nam.

Từ tháng 6/2018 đến tháng 8/2018, Thùy A là nhân viên thử việc tại Công ty cổ phần phát triển cung ứng nhân lực Quốc tế AAM (Công ty AAM); địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Cland, 81 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi hết thời gian thử việc, Thùy A không làm việc tại Công ty này nữa và cũng không làm ở công ty nào về lĩnh vực đưa người đi xuất khẩu lao động. Bản thân Thùy A cũng không có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Từ ngày 07/8/2019 đến ngày 18/9/2019, Thùy A làm công nhân may tại Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam ; địa chỉ: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Do quen biết với vợ chồng anh Trần Văn T nên ngày 11/6/2019, Thùy A đến nhà anh T chơi. Tại đây, Thùy A nói với anh T và chị P là mình đang làm nhân viên tại Công ty AAM chuyên về xuất khẩu lao động và có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thùy A bảo chị P cho anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cùng với Thùy A, mục đích để anh T và chị P tin tưởng. Chị P hỏi chi phí đi thì Thùy A nói hết 9.000 USD. Do thấy chi phí cao nên chị P không đồng ý.

Đến khoảng tháng 7/2019, Thùy A sử dụng tài khoản facebook "Cáo Con Xklđ (Thương)" đăng bài lên trang cá nhân với nội dung tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, mục đích tạo niềm tin cho những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nộp hồ sơ, chuyển tiền cho Thùy A để chiếm đoạt tiền. Đồng thời, Thùy Anh cũng sử dụng tài khoản "Cáo Con Xklđ (Thương)" nhắn tin và gọi đến tài khoản facebook "Phương Lan Anh" của chị Phương nói dối chị P là đang có hợp đồng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc làm về lĩnh vực nông nghiệp chi phí hết 3.500 USD. Nghe vậy, chị P nói để vợ chồng chị bàn bạc sẽ trả lời sau. Sau đó, để tạo niềm tin Thùy A tìm các bài đăng tuyển lao động đi xuất khẩu tại Hàn Quốc tải về điện thoại di

động Iphone (Thùy A không nhớ đặc điểm), lắp sim số 0336.121.861 của Thùy A rồi sử dụng tài khoản facebook "Cáo Con Xkld (Thương)" nhắn tin đến tài khoản facebook "Phương Lan Anh", đăng ký bằng số điện thoại 0968.588.827 lắp trong điện thoại Samsung Galaxy A50 của chị P. Sau đó, Thùy A và chị P hẹn gặp nhau tại đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (không nhớ thời gian cụ thể). Tại đây, Thùy A tiếp tục tư vấn cho chị Phương về việc đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Đến ngày 21/7/2019, chị P sử dụng tài khoản facebook "Phương Lan Anh" gọi đến tài khoản "Cáo Con Xkld (Thương)" của Thùy A nói với Thùy A về việc anh T đồng ý đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và bảo Thùy A làm thủ tục giúp. Thùy A bảo chị P chi phí hết 3.500USD, đặt cọc trước số tiền 13.000.000 đồng. Chị P đồng ý. Đến khoảng cuối tháng 7/2019, do chưa vay được tiền nên chị P mới đưa trước cho Thùy A 5.000.000 đồng tại nhà chị P (không viết giấy giao nhận tiền). Sau đó, Thùy A tiếp tục yêu cầu chị P nộp nốt số tiền đặc cọc nhưng chị P bảo với Thùy A là chưa vay được tiền nên chưa nộp. Sau khi nhận số tiền trên của chị P, Thùy A không nộp vào công ty nào mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình sau đó, Thùy A đặt vấn đề với vợ chồng chị P liên hệ tìm người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc giới thiệu cho Thùy A. Chị P sẽ nhận tiền và hồ sơ của người có nhu cầu rồi chuyển cho Thùy A. Thùy A sẽ có trách nhiệm đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Tiền công môi giới Thùy A không phải chi trả mà do chị P lấy công bao nhiêu thì tự báo chi phí chênh lệch với người đi xuất khẩu lao động. Nghe vậy, chị P đồng ý. Sau đó, chị P sử dụng tài khoản facebook "Phương Lan Anh" của mình đăng bài lên trang cá nhân với nội dung "Cần tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc".

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019, thông qua mạng xã hội thì anh Nguyễn Văn H sinh năm 1979 ; trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B và anh Hồ Thế Thành L, sinh năm 1992 ; trú tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh H liên hệ với chị P về việc muốn đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau đó, chị P đã thông báo cho Thùy A biết về việc anh H và anh L có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thùy A nói chi phí hết 3.500 USD. Cụ thể lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lương cơ bản từ 1.800 đến 2.000 Won (khoảng 38-40 triệu đồng Việt Nam/tháng), chưa kể tăng ca, làm thêm ngày chủ nhật. Khoảng 03 tháng sau khi nộp hồ sơ và nộp tiền thì sẽ được xuất cảnh. Chị P báo lại với anh H và anh L chi phí hết 5.000USD (phần chênh lệch là tiền môi giới chị Phương sẽ được hưởng). Chị Phương sẽ nhận tiền của anh H và anh L rồi chuyển cho Thùy A. Anh L và anh H đồng ý. Sau đó, đến tháng 10/2019, thông qua chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B (em gái của chị P), chị P tiếp tục giới thiệu và tư vấn cho anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1985, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, lương khoảng 50-60 triệu đồng Việt Nam/tháng. Sau đó, chị P thông báo lại cho Thùy A biết. Sau đó, Thùy Anh gửi tin nhắn qua tài khoản facebook cho chị Phương với nội dung: "Có đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc làm việc cho tập đoàn Samsung, chi phí là 6.500USD". Chị P đã gửi tin nhắn

trên cho chị C để chị C nói chuyện với anh K. Anh K đồng ý. Sau đó, Thùy A bảo chị P làm hồ sơ cho anh T và yêu cầu anh H, anh L, anh K làm hồ sơ để nộp. Sau đó, chị P đã trực tiếp nộp hồ sơ của anh T, anh H và anh L cho Thùy A tại nhà chị P. Còn hồ sơ của anh K, ngày 09/10/2019 chị P đã đến Bưu điện xã X, huyện T đóng thành bưu phẩm rồi gửi cho Thùy A theo địa chỉ mà Thùy A cấp là Trương Thị H, sinh năm 1988 (là bạn ở cùng thôn với Thùy A). Chị Hảo sau khi nhận được bưu phẩm đã gửi lại cho Thùy A. Còn Thùy A sau khi nhận được số hồ sơ trên đã không nộp vào công ty nào mà đã vứt đi (do lâu ngày Thùy A không nhớ đã vứt ở đâu). Ngoài ra, Thùy A còn thông báo cho chị P về việc công ty xuất khẩu lao động yêu cầu tăng chi phí đi xuất khẩu lao động của anh T lên là 4.500USD, của anh H và anh L là 5.500 USD. Chị P đồng ý và thông báo lại cho anh H, anh L biết chi phí đi xuất khẩu lao động tăng thêm 1.000USD tức là 6.000USD thì anh H, anh L không đồng ý. Nhưng sau khi nói chuyện với Thùy A thì anh H và anh L đồng ý. Theo yêu cầu của Thùy A thì chị P đã bảo anh H, anh L và anh K nộp tiền cho chị P. Cụ thể:

+ Từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019, anh Nguyễn Văn H đã nộp tiền cho chị P 04 lần với tổng số tiền là 151.800.000 đồng. Trong đó có 02 lần anh H trực tiếp đưa tiền cho chị P tại nhà chị P là 35.000.000 đồng và tại quán nước gần UBND xã T là 46.800.000 đồng; 01 lần anh H nhờ bà Đỗ Thị L, sinh năm 1951 (mẹ đẻ của anh H) đưa 60.000.000 đồng cho chị P tại nhà anh H; 01 lần anh H nhờ chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1994; trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh B (là em vợ của anh H) chuyển khoản 10.000.000 đồng từ tài khoản số 100869203331của chị Nga tại Ngân hàng Vietinbank đến tài khoản số 2607205214987 của chị P tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank).

+ Từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019, anh Hồ Thế Thành L đã nộp tiền cho chị P 06 lần với tổng số tiền 103.600.000 đồng và 2.000USD. Trong đó có 05 lần anh L nhờ người thân, bạn bè chuyển khoản vào số khoản 2607205214987 của chị P tại Ngân hàng Agribank và 01 lần anh L đưa trực tiếp cho chị Phương. Cụ thể: Ngày 17/9/2019, anh L nhờ chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B (là bạn của anh L chuyển 15.000.000 đồng từ tài khoản số 1000107723601 của chị V tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Tân Bình. Ngày 25/9/2019, anh L nhờ chị Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 1975; trú tại: Nhà số 10, ngách 10/5, phố V Thị, phường B, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (là chị họ của anh L) chuyển 34.800.000 đồng từ tài khoản số 0011003564401 của chị D tại Hội Sở ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Cuối tháng 09/2019, anh L trực tiếp đưa 2.000 USD cho chị P tại nhà chị P. Ngày 21/10/2019 và ngày 20/11/2019, anh L nhờ ông Hồ Thế H, sinh năm 1965 (bố đẻ anh L) nộp trực tiếp tiền mặt qua ngân hàng chuyển tổng số tiền 49.800.000 đồng (trong đó 01 lần là 36.800.000 đồng, 01 lần là 13.000.000 đồng). Ngày 25/10/2019, ông Hồ Thế H nhờ chị Đinh Thị Hoài Th sinh năm 1989; trú tại: Thôn H, xã V, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh (là người quen biết của ông H) nộp trực tiếp hộ 4.000.000 đồng.

+ Trong khoảng tháng 10/2019, anh Nguyễn Xuân K đã 05 lần đưa tiền cho chị Nguyễn Thị C với tổng số tiền là 181.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh K thì chị C đã trực tiếp đưa số tiền trên cho chị P tại nhà chị P.

Tổng số tiền chị P nhận của anh H, anh L, anh K là **436.400.000 đồng và 2.000USD**.

Sau khi nhận tiền của anh H, anh L và anh K, khoảng tháng 10/2019 chị Pđã 02 lần đưa trực tiếp tổng số 2.000USD cho Thùy A (mỗi lần đưa 1.000USD) tại nhà chị P nhưng không viết giấy tờ giao nhận tiền. Ngoài ra, chị P sử dụng tài khoản số 2607205214987 của chị P tại Ngân hàng Agribank, chi nhánh xã T, huyện T, tỉnh B chuyển đến các tài khoản ngân hàng của Thùy A cho Thùy A, cụ thể:

+ Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019, chị P chuyển tổng số tiền 325.790.000 đồng đến số tài khoản 189961855 của Thùy A tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank).

+ Trong tháng 9/2019, chị P chuyển tổng số tiền 42.900.000 đồng qua kênh phân phối Viettel đến số tài khoản 189961855 của Thùy A tại Ngân hàng VPbank.

+ Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2019 đến tháng 12/2019, chị P chuyển tổng số tiền 31.000.000 đồng đến số tài khoản số 107869012085 của Thùy Atại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank).

+ Ngoài ra, chị P có 01 lần vay 2.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị C và nhờ chị C chuyển khoản số tiền này từ tài khoản số 2607205193749 của chị C tại Ngân hàng Agribank đến tài khoản số 0341007014107 của Thùy A tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - chi nhánh Hải Dương cho Thùy A.

Tổng số tiền chị P đã chuyển khoản cho Thùy A qua hệ thống ngân hàng là 401.690.000 đồng. Còn lại số tiền 34.710.000 đồng chị P khai đã đưa hết cho Thùy A nhưng không nhớ chuyển như thế nào. Sau khi đưa tiền hoặc chuyển khoản đều viết giấy tờ, hóa đơn nhưng chị P đã làm mất. Chị P chưa được hưởng lợi gì từ việc môi giới người đi xuất khẩu lao động.

+ Ngoài ra trong tháng 9/2019, theo yêu cầu của Thùy A thì anh L có 01 lần nhờ chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh chuyển khoản số tiền 6.600.000 đồng từ tài khoản số 040033670798 của chị Vân tại Ngân hàng Sacombank - chi nhánh Hà Tĩnh (lúc này chị V đang ở huyện T) đến số tài khoản 0341007014107 của Thùy Anh tại Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Hải Dương và vào tháng 11/2019 anh L có 01 lần trực tiếp đưa cho Thùy A số tiền 10.000.000 đồng tại quán nước gần khu vực cây xăng xã X, huyện T, tỉnh B. Tại đây, anh L và Thùy A có viết giấy cam kết về việc Thùy A nhận 6.000USD của anh L. Tuy nhiên, thực tế anh L không đưa 6.000 USD cho Thùy A mà anh L đưa cho chị P và Thùy A tổng số tiền là 120.200.000 đồng và 2.000USD.

+ Trong tháng 12/2019, anh H đã 02 lần chuyển khoản tổng số tiền 13.000.000 đồng từ tài khoản số 164428126486 của anh H tại Ngân hàng Vietinbank đến tài khoản số 107869012085 của Thùy A tại Ngân hàng Vietinbank.

Ngoài ra, sau khi nhận hồ sơ và nhận tiền từ chị P thì Thùy A còn yêu cầu anh H, anh L và anh K nộp thêm chi phí làm visa, tiền vé máy bay, tiền nhà trọ bên Hàn

Quốc, tiền dịch tiếng trong hồ sơ, tiền thi chứng chỉ tiếng Hàn Quốc. Anh H, anh L, anh K đều đồng ý và đã nộp khoản tiền này nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên thông qua tài khoản số 189961855 tại Ngân hàng VPbank và tài khoản số 0341007014107 tại Ngân hàng Vietcombank. Thùy A đã dùng hai thẻ ATM của hai số tài khoản trên rút tiền tại các cây ATM rồi tiêu xài cá nhân hết. Các thẻ ATM trên, Thùy A cũng đã làm rơi mất.

Còn số tiền chiếm đoạt được thông qua tài khoản số 107869012085 tại Ngân hàng Vietinbank. Do làm mất thẻ ATM của tài khoản này nên Thùy A đã sử dụng dịch vụ Internetbanking chuyển tiền từ tài khoản 07869012085 của Thùy Anh đến tài khoản của chị Trần Thị Hương S, sinh năm 1985; trú tại: Tổ , khu , phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chị Hoàng Phương L, sinh năm 1983; trú tại: Tổ , Khu , phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; anh Hà Huy N, sinh năm 1993; trú tại: Tổ , Khu , phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chị Vũ Thị T sinh năm 1989; trú tại: Tổ , Khu , phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (đều là bạn bè quen biết xã hội của Thùy A) rồi bảo chị S, anh Ng, chị L và chị T rút hộ đưa tiền cho Thùy A. Sau đó, Thùy A đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Sau một thời gian, chị P không thấy Thùy A đưa người đi xuất khẩu lao động nên chị P, anh H, anh L, anh K đã yêu cầu Thùy A trả số tiền trên nhưng Thùy A không trả. Chị P đã nhiều lần gọi điện cho Thùy A nhưng Thùy A không nghe điện thoại. Vì vậy, ngày 31/8/2020 và 16/9/2020 chị P, anh L, anh H, anh K đã làm đơn trình báo Công an huyện T.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tđã yêu cầu chị P, anh H, anh L, anh K và những người liên quan cung cấp toàn bộ tài liệu liên quan đến việc nhận tiền, chuyển tiền. Ngày 16/9/2020, anh L giao nộp 01 bản phô tô giấy cam kết của Lý Thị Thùy A về việc đã nhận của anh L 6.000USD. Ngày 31/12/2020, anh H giao nộp 01 giấy nộp tiền AGRIBANK ngày 17/12/2019 chuyển đến số tài khoản của Thùy A số tiền 10.000.000; 01 giấy nộp tiền AGRIBANK ngày 18/12/2019 chuyển đến số tài khoản của Thùy A số tiền 3.000.000 (bản phô tô). Ngày 04/12/2020, Chị Ng giao nộp 01 hình ảnh được chụp ra từ điện thoại của chị Ng in ra tờ giấy A4 thể hiện giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của chị Ng đến tài khoản của chị P. Chị P không cung cấp tài liệu nào. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã làm việc với Ngân hàng Agribank, VPbank, Viettinbank, Vietcombank sao trích được toàn bộ các giao dịch chuyển tiền nêu trên đến số tài khoản của chị P là 255.400.000 đồng; đến số tài khoản của Thùy A là 421.290.000 đồng.

Ngày 25/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có công văn số 15 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp tỷ giá trung tâm giữa Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ áp dụng cho các ngày trong tháng 9, 10, 11 và tháng 12 năm 2019. Ngày 30/3/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có công văn phúc đáp số 2070 xác định tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ trung bình vào tháng 9 là

23.142 đồng; tháng 10 là 23.154 đồng; tháng 11 là 23.149 đồng; tháng 12 là 23.162 đồng.

Tại Cơ quan điều tra bị can Lý Thị Thùy Ađã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tuy nhiên, về số tiền chiếm đoạt, Thùy Anh không nhớ cụ thể số tiền mà chị P đã chuyển cho Thùy A là bao nhiêu. Thùy A xác nhận chỉ có một mình Thùy A sử dụng 03 số tài khoản nêu trên. Chị P và những người khác chỉ chuyển khoản cho Thùy A đến 03 số tài khoản đó. Tuy nhiên, Thùy A khai nhận chị P chỉ có 02 lần trực tiếp đưa tiền cho Thùy A (trong đó có 01 lần đưa 5.000.000 đồng và 01 lần đưa 1000USD). Thùy A chỉ nhận của chị P 1.000USD chứ khải 2.000USD như chị P khai. Xét thấy lời khai có mâu thuẫn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành đối chất giữa chị P và Thùy A nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của chị P thì không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc chị P đưa cho Thùy A 2.000USD.

Như vậy, căn cứ sao kê các giao dịch chuyển tiền giữa anh Nguyễn Văn H, anh Hồ Thế Thành L, chị Nguyễn Thị P với Lý Thị Thùy A, do các ngân hàng cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ có đủ căn cứ xác định:

+ Tổng số tiền anh H, anh L, anh K đưa tiền mặt và chuyển khoản cho chị P là 436.400.000 đồng + 2.000USD.

+ Tổng số tiền Lý Thị Thùy Achiếm đoạt được của chị P anh H, anh L và anh K là 401.690.000 đồng (chị P chuyển qua tài khoản) + 5.000.000 đồng (nhận trực tiếp của chị P) + 13.000.000 đồng (anh H chuyển khoản) + 16.600.000 đồng (nhận trực tiếp của anh L và anh L chuyển khoản) + 1.000USD nhận trực tiếp của chị P **(**được quy đổi theo tỷ giá trung bình tại thời điểm tháng 9/2019 của tỷ giá trung tâm giữa Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ là 23.142.000 đồng). Tổng số tiền chiếm đoạt là **459.432.000** đồng.

Tại bản cáo trạng số: 91/CTr-VKS-TT, ngày 11/10/2021 của VKSND huyện Thuận Thành đã truy tố bị cáo Lý Thị Thuỳ A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lý Thị Thuỳ Aphạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Thị Thuỳ A từ 10 năm đến 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2021 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lý Thị Thùy A phải bồi thường cho chị P

5.000.000 đồng, anh K 166.605.000 đồng, anh L 135.103.206 đồng và anh H 152.724.000 đồng.

- Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Xuân K 14.395.000 đồng; anh Hồ Thế Thành L 31.381.000 đồng và anh Nguyễn Văn H 12.076.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị hại là anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Xuân K; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị C vắng mặt. Nhưng anh H và anh K đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2; chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của anh H, anh K và chị C không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H, anh K và chị C là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên toà, bị cáo Lý Thị Thuỳ A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 8/2018, Lý Thị Thùy A là nhân viên thử việc tại Công ty cổ phần phát triển cung ứng nhân lực quốc tế AAM (Công ty AAM); địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Cland, 81 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Sau khi hết thời gian thử việc, Thùy A không làm việc tại Công ty này nữa và cũng không làm ở công ty nào về lĩnh vực đưa người đi xuất khẩu lao động. Bản thân Thùy A cũng không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Tuy nhiên, từ tháng 06/2019 đến tháng 12/2019, Lý Thị Thùy A đã có hành vi gian dối, sử dụng tài khoản facebook "Cao Con Xklđ (Thương)" đăng bài lên trang cá nhân nội dung tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, tư vấn, nhận hồ sơ và nhận tiền của những

người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động để chiếm đoạt tiền. Ngoài ra do quen biết với vợ chồng chị Nguyễn Thị P nên Thùy A đã nói dối vợ chồng chị P là mình đang là nhân viên của Công ty AAM và có thể đưa người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc để cho vợ chồng chị P tin tưởng. Sau đó, Thùy A bảo chị P cho anh Nguyễn Văn T (chồng của chị P) đi xuất khẩu lao động tại Hà Quốc cùng Thùy A Đồng thời, Thùy Anh nhờ chị P tìm người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động giới thiệu cho Thùy A. Do tin tưởng nên chị P đã đồng ý và đưa cho Thùy A số tiền 5.000.000 đồng để đặt cọc cho anh T đi xuất khẩu lao động. Ngoài ra thông qua bạn bè, người thân chị P liên hệ, giới thiệu và nộp hồ sơ cho Thùy A 03 trường hợp có nhu cầu đi xuất khẩu lao động gồm: Anh Nguyễn Văn H, anh Hồ Thế Thành L và anh Nguyễn Xuân K. Sau đó, thông qua chị P, anh H đã chuyển cho chị P 151.800.000 đồng để chị P chuyển cho Thùy A và anh H chuyển cho Thuỳ A13.000.000 đồng, tổng số tiền là 164.800.000 đồng; anh L chuyển cho chị P 103.600.000 đồng và 2.000USD để chị P chuyển Thùy A và anh Luân chuyển cho Thuỳ A 16.600.000 đồng, tổng số tiền là 120.200.000 đồng và 2.000USD; anh Khánh chuyển cho chị Chiến, chị Chiến chuyển cho chị P và chị P cho Thùy A tổng số tiền là 181.000.000 đồng. Tổng cộng là 471.000.000 đồng và 2.000 USD.

Quá trình điều tra, Thùy A chỉ thừa nhận đã chiếm đoạt tiền Việt Nam đồng của chị P, anh H, anh L qua hình thức trực tiếp và chuyển khoản như chị P, anh H, anh L đã trình bày mà không chiếm đoạt của anh K, bị cáo nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã nhận là bao nhiêu và chỉ thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền Đô la Mỹ là 1.000USD. Căn cứ vào các tài liệu do các ngân hàng cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định tổng số tiền Thùy A đã chiếm đoạt của chị P, anh H và anh L là **436.290.000 đồng + 1.000USD (**được quy đổi theo tỷ giá trung bình tại thời điểm tháng 9/2019 của tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ là 23.142.000 đồng). Tổng số tiền chiếm đoạt là **459.432.000 đồng**. Sau khi nhận hồ sơ và số tiền nêu trên, Thùy A không nộp hồ sơ vào công ty nào; số tiền chiếm đoạt được Thùy A đã tiêu xài cá nhân hết. Xét về hành vi trên của bị cáo đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm vào tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Ngày 28/5/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của Bản án hình sự phúc thẩm số: 457/2020/HSPT ngày 09/7/2020, TAND thành phố Hà Nội nên bị cáo được xác định là người có nhân thân xấu.

Xét về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019 bị cáo đã có nhiều lần thực hiện

hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị P, anh H và anh L nhiều lần và mỗi lần số tiền bị cáo chiếm đoạt đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài trái pháp luật, nhưng chỉ vì có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa bồi thường cho bị hại. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy khi lượng hình cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng bổ sung là hình phạt tiền được quy định khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị P là người đã nộp hồ của anh Trần Văn T(chồng chị Phương) cho Lý Thị Thùy A và tư vấn, giới thiệu 03 người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc là anh H, anh L, anh K cho Thùy A để hưởng tiền môi giới. Tuy nhiên, chị P khai toàn bộ số tiền nhận được của anh H, anh L và anh K đã chuyển hết cho Thùy A, chị P chưa được hưởng lợi gì. Bản thân chị P do tin tưởng nên mới nộp tiền, nộp hồ sơ cho chồng và giới thiệu, nhận tiền của ba người đều có mối quan hệ thân thiết khác rồi chuyển cho Thùy A. Chị P không biết mục đích của Thùy A tìm người đi xuất khẩu lao động là để chiếm đoạt tiền. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 34.710.000 đồng, chị P trình bày đã chuyển cho Thùy A. Tuy nhiên, chị P không cung cấp được tài liệu về việc đã chuyển số tiền trên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra cũng không thu thập được tài liệu gì về việc chuyển số tiền này. Thùy A thừa nhận có nhận tiền Việt Nam của chị P nhưng không nhớ là bao nhiêu. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Thùy A về số tiền này. Ngoài ra chị P khai có đưa cho Thùy Asố tiền 2.000USD. Tuy nhiên, Thùy A chỉ thừa nhận đã nhận 1.000USD. Ngoài lời khai của chị P thì không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh việc Thùy Anhận 2.000USD. Vì vậy, chỉ buộc Thùy A phải chịu trách nhiệm về số tiền 1.000USD quy đổi ra tiền Việt Nam là 23.142.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với chị Trần Thị Hương S, chị Hoàng Phương L, anh Hà Huy Ng, chị Vũ Thị T là người đã cho Thùy A chuyển tiền đến tài khoản, sau đó rút tiền đưa cho Thùy A nhưng chị Sen, chị L, anh Ng và chị T đều không biết số tiền mà Thùy A chuyển đến là tiền do Thùy A phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với chị Trương Thị H là người nhận bưu phẩm (hồ sơ của anh K) do chị P gửi đến, sau đó gửi cho Thùy A. Tuy nhiên, khi nhận bưu phẩm, chị H không mở ra để kiểm tra nên không biết rõ bên trong bưu phẩm có gì. Chị H không biết bưu phẩm mà chị nhận có liên quan đến hành vi phạm tội của Thùy A. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý là phù hợp nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với cửa hàng đã ép plastice ở thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã ép chứng minh thư nhân dân cho bị cáo. Nhưng bị cáo không biết tên, tuổi của chủ cửa hàng, cũng như bị cáo không nhớ rõ địa chỉ cụ thể của cửa hàng nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Trong tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị hại là chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn H, anh Hồ Thế Thành L, anh Nguyễn Xuân K đều yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, đối với số tiền 436.400.000 đồng anh K, anh H và anh Lchuyển cho chị P qua tài khoản được tính theo tỷ lệ sau: Anh K là 181.000.000 đồng, tương ứng là 181.000.000/436.400.000 đồng = 41,476%; anh Luân là 103.600.000 đồng, tương ứng là 103.600.000/436.400.000 đồng = 23,74%; anh H là 151.800.000 đồng, tương ứng là 151.800.000/436.400.000 đồng = 34,784%. Đối với số tiền 401.690.000 đồng chị P chuyển khoản cho bị cáo trong đó số tiền của anh K, anh H và anh Lđược tính theo tỷ lệ sau: Anh K là 41,476% x 401.690.000 đồng = 166.605.000 đồng; anh L là 23,74% x 401.690.000 đồng = 95.361.206 đồng; anh H là 34,784% x 401.690.000 đồng = 139.724.000 đồng. Ngoài ra anh L còn đưa cho chị P 23.142.000 đồng (1000 USD), chị P đã đưa trực tiếp cho bị cáo; anh L đưa trực tiếp và chuyển khoản cho bị cáo là 16.600.000 đồng; chị P đưa trực tiếp 5.000.000 đồng của chị P cho bị cáo; anh H chuyển khoản cho bị cáo 13.000.000 đồng. Xác định tổng số tiền bị cáo nhận và chiếm đoạt của chị P, anh K, anh L và anh H 459.432.000 đồng (trong đó của chị P 5.000.000 đồng, anh K 166.605.000 đồng, anh L 135.103.206 đồng và anh H 152.724.000 đồng); xét thấy, do bị cáo chưa bồi thường cho chị P, anh K, anh L và anh H được đồng nào nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị P5.000.000 đồng, anh K 166.605.000 đồng, anh L 135.103.206 đồng và anh H là 152.724.000 đồng.

Đối với số tiền còn lại chị P trình bày đã chuyển cho bị cáo 436.400.000 đồng - 401.690.000 đồng = 34.710.000 đồng; xét thấy, do chị P không chứng minh được số tiền trên đã chuyển cho bị cáo. Do vậy, cần buộc chị P có nghĩa vụ trả lại cho anh K, anh H và anh L theo tỷ lệ số tiền mà anh K, anh H và anh L đã

chuyển cho chị P, cụ thể: Anh K là 41,476% x 34.710.000 đồng = 14.395.000 đồng; anh L là 23,74% x 34.710.000 đồng = 8.239.000 đồng và anh H là 34,784% x 34.710.000 đồng = 12.076.000 đồng. Ngoài ra, chị P còn phải có nghĩa vụ trả anh L 23.142.000 đồng (1000 USD).

Đối với số tiền 2.000.000 đồng chị P vay của chị C để chuyển cho bị cáo; xét thấy, do chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối với điện thoại Iphone lắp sim số 0336.121.861 Thùy A sử dụng để đăng nhập facebook và zalo để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do Thùy A đã làm rơi mất điện thoại và sim, không biết rơi ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ được nên HĐXX không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Đối với 01 điện thoại Samsung màu đen, Galaxy A50 gắn sim 0968.588.827 tạm giữ của chị P. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra xác định điện thoại của chị P có nội dung tin nhắn giữa chị P và Thùy A liên quan đến việc Thùy A nhờ chị P tìm người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và việc Thùy A cung cấp các thông tin liên quan đến việc đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc. Sau khi kiểm tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại điện thoại cho chị P là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Lý Thị Thuỳ A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

* Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Thị Thuỳ A 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2021. Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lý Thị Thùy A phải bồi thường cho chị P 5.000.000 đồng, anh K 166.605.000 đồng, anh L 135.103.206 đồng và anh H 152.724.000 đồng.

- Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Xuân K 14.395.000 đồng; anh Hồ Thế Thành L 31.381.000 đồng và anh Nguyễn Văn H 12.076.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lý Thị Thùy A phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 22.377.000 đồng án phí DSST. Chị Nguyễn Thị P phải chịu 2.892.000 đồng án phí DSST.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Trại Tạm giam Công an tỉnh B.
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Xuân Hà